

NĂNG LỰC TRÍ TUỆ CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHÙNG CHÍ KIÊN, THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

Nguyễn Thị Bích Ngọc^{1,*}

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Năng lực trí tuệ của học sinh phụ thuộc nhiều vào môi trường sống và trình độ hiện tại của học sinh. **Mục tiêu:** Xác định năng lực trí tuệ của học sinh lứa tuổi trung học cơ sở ở trường trung học cơ sở Phùng Chí Kiên thành phố Nam Định. **Đối tượng và phương pháp:** Tiến hành kiểm tra trí tuệ cho 638 học sinh ở các khối lớp 6 - 9 được chọn ngẫu nhiên ở trường THCS Phùng Chí Kiên thành phố Nam Định. **Kết quả:** Chỉ số trí tuệ (IQ) tăng ít theo khối lớp. Không có sự khác nhau về năng lực trí tuệ theo giới tính ở từng khối lớp. Ở mỗi khối lớp, chỉ số thông minh của học sinh lớp thể dục thể thao thấp hơn so với chỉ số thông minh của học sinh các lớp khác. Sự phân bố học sinh theo mức trí tuệ có dạng phân phối chuẩn và không có học sinh với mức trí tuệ ngu dốt. Tỷ lệ học sinh có mức trí tuệ cao lớn hơn tỷ lệ học sinh có mức trí tuệ thấp.

Từ khóa: năng lực trí tuệ, học sinh trung học cơ sở.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trí tuệ là khả năng hoạt động trí óc đặc trưng của con người được dùng để mô tả cấu trúc hoạt động trí óc nhằm đảm bảo sự thích nghi giữa chủ thể với điều kiện sống luôn thay đổi. Năng lực trí tuệ của học sinh phụ thuộc nhiều vào môi trường sống và trình độ hiện tại của các em. Nghiên cứu thực trạng năng lực trí tuệ học sinh ở nhiều vùng miền với trình độ hiện tại khác nhau sẽ giúp các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục nắm được năng lực thực thụ của học sinh để đổi mới phương pháp dạy học cho từng đối tượng. Trường THCS Phùng Chí Kiên nằm trong địa bàn thành phố Nam Định là trường có cơ sở vật chất tốt, đứng đầu trong phong trào thể dục thể thao, và đứng thứ hai về phong trào học tập trong cấp học THCS của tỉnh. Để đánh giá được thực trạng năng lực trí tuệ học sinh chúng tôi tiến hành nghiên cứu chỉ số thông minh (IQ) và

sự phân bố học sinh theo mức trí tuệ ở các khối lớp.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu là 638 học sinh từ khối lớp 6 đến khối 9 được chọn ngẫu nhiên ở trường THCS Phùng Chí Kiên thành phố Nam Định. Nguyên tắc chọn đối tượng: chọn ngẫu nhiên 15 lớp, các đối tượng được chọn có sức khỏe tốt, không có dị tật bẩm sinh, không có bệnh mãn tính, trạng thái thần kinh bình thường, tâm sinh lý bình thường.

Trí tuệ được xác định bằng phương pháp trắc nghiệm, sử dụng test khuôn hình tiếp diễn của Raven bộ A, B, C, D, E, loại dùng cho người bình thường từ 6 tuổi trở lên. Sau đó, đối chiếu chỉ số IQ học sinh với tiêu chuẩn phân loại trí tuệ theo bảng phân loại hệ số thông minh của D. Wechler để phân bố học sinh theo mức trí tuệ.

Các số liệu nghiên cứu được xử lý bằng phương pháp thống kê dùng trong Y - Sinh học.

3. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

3.1. Chỉ số IQ của học sinh

¹Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

*Tác giả chịu trách nhiệm chính:

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Email: bichngocbio@gmail.com

Ngày nhận bài: 13/10/2016

Ngày nhận bài phản biện: 20/10/2016

Ngày chấp nhận đăng: 21/10/2016

Kết quả nghiên cứu chỉ số IQ của học sinh trường THCS Phùng Chí Kiên được trình bày trong bảng 1 và hình 1 cho thấy:

Chỉ số IQ trung bình của học sinh toàn trường là 109, 4 điểm. Chỉ số IQ tăng theo khối lớp với tốc độ tăng không đồng đều: thấp nhất ở khối 6 (104,8 điểm), cao nhất ở khối 9 (112,90 điểm). Sự chênh lệch giữa khối lớp 8-9 không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$). Sự chênh lệch giữa khối 6 -7 và giữa khối 7-8 có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$). Điều này có thể giải thích được với hai lý do. Thứ nhất, trí tuệ thuộc lĩnh vực hoạt động thần kinh luôn có sự hoàn thiện về vật chất. Trong độ tuổi của học sinh từ khối 6 đến khối 9, hệ thần kinh đang trong giai đoạn phát triển hoàn chỉnh nên sự tăng về chỉ số IQ của học sinh là điều có thể xảy ra. Ngoài ra, sự phát triển trí tuệ của học sinh còn phụ thuộc vào sự tích lũy kiến thức cũng như phương pháp hoạt động trí tuệ. Giữa

học sinh khối 6 và khối 7 có sự tăng nhanh hơn về chỉ số IQ chứng tỏ các em đã bắt đầu thích nghi được với kiến thức khối THCS và hoạt động học tập tại trường, giữa học sinh khối 8 và học sinh khối 9 có sự tăng nhẹ với 1,48 điểm chứng tỏ trong độ tuổi này, sự phát triển trí tuệ của học sinh đã dần ổn định.

Kết quả về sự tăng chỉ số IQ của học sinh theo tuổi cũng thấy trong các nghiên cứu với đối tượng học sinh trung học cơ sở của các tác giả Trần Thị Loan (2002) [3], Nguyễn Thị Bích Ngọc – Tạ Thúy Lan (2012) [5], Lê Gia Long (2013) [6]. Tuy nhiên, chỉ số IQ của học sinh trên đối tượng nghiên cứu của chúng tôi cao hơn so với đối tượng học sinh ở Hà Nội trong nghiên cứu của Trần Thị Loan (2002) [3], của học sinh Vĩnh Phúc và Phú Thọ trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Bích Ngọc (2012) [5] và của học sinh Phú Thọ trong nghiên cứu của Lê Gia Long [6] (2013).

Bảng 1. Chỉ số IQ theo khối lớp của học sinh trường THCS Phùng Chí Kiên

STT	Khối lớp	n	Chỉ số IQ	
			$\bar{X} \pm SD$	Tăng
1	6 (I)	157	104,85 $\pm$ 14,90	-
2	7 (II)	155	108,44 $\pm$ 14,87	3,59
3	8 (III)	167	111,42 $\pm$ 14,91	2,98
4	9 (IV)	159	112,91 $\pm$ 14,87	1,49
	Chung	638	109,40 $\pm$ 14,89	
So sánh:			$p(I - II) < 0,05$ $p(II - III) < 0,05$ $p(III - IV) > 0,05$	

Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong bảng 2 cho thấy, có sự chênh lệch khá lớn về chỉ số IQ trung bình của học sinh chuyên thể dục thể thao (TDTT) so với chỉ số IQ trung bình học sinh toàn khối. Ở từng khối lớp chỉ số IQ trung bình của cả khối đều cao hơn so với học sinh

chuyên TDTT. Sự chênh lệch này ở khối 6 là 7,97 điểm, ở khối 7 là 3,27 điểm, khối 8 là 4,55 điểm; khối 9 là 4,23 điểm. Sự chênh lệch có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$). Điều này được giải thích: ngay từ cuộc thi tuyển chọn đầu vào trường đã có sự khác nhau giữa các đối tượng xét tuyển, học

sinh chuyên TDTT chỉ xét theo thành tích TDTT trong khi học sinh còn lại xét theo thành tích các môn văn hóa. Đồng thời, trong quá trình học, học sinh các lớp môn văn hóa được rèn luyện khả năng làm việc, tư duy, logic nhiều hơn và tốt hơn so với lớp chọn TDTT có thể là nguyên nhân dẫn đến năng lực trí tuệ các lớp chọn văn hóa cao hơn so với lớp TDTT. Sự chênh lệch này ở khối 6 có thể thấy rõ nhất với mức chênh lệch là 7,97 điểm. Mức chênh lệch này có thể được giảm bớt trong quá trình học tập khi học sinh chuyên TDTT cũng được rèn luyện kỹ năng làm việc tương tự như số học sinh còn lại.

Bảng 2. Chỉ số IQ của học sinh chuyên Thể dục và chỉ số IQ của khối lớp thường

P	Chỉ số IQ				$\overline{X}_1 - \overline{X}_2$	$P_{(1-2)}$
	Học sinh TDTT (1)		Học sinh lớp bình thường (2)			
	n	$\overline{X} \pm SD$	n	$\overline{X} \pm SD$		
6	36	98,19 ± 18,35	157	104,85 ± 14,90	-7,97	< 0,05
7	35	105,17 ± 15,00	155	108,44 ± 14,87	-3,27	< 0,05
8	30	106,87 ± 15,00	167	111,42 ± 14,91	-4,55	< 0,05
9	40	108,67 ± 15,00	159	112,90 ± 14,87	-4,23	< 0,05

3.2. Phân bố học sinh theo mức trí tuệ

Bảng 3. Sự phân bố học sinh theo khối lớp, theo giới tính và theo mức trí tuệ (%)

Khối lớp		n	Mức I	Mức II	Mức III	Mức IV	Mức V	Mức VI	Mức VII
Khối 6	Nam	77	0,95	7,89	24,63	47,21	12,33	6,99	0,00
	Nữ	80	3,23	5,31	25,91	41,25	19,03	5,27	0,00
	Chung	157	2,09	6,6	25,27	44,23	15,68	6,13	0,00
Khối 7	Nam	81	2,87	7,78	23,56	41,79	23,06	0,94	0,00
	Nữ	74	2,11	8,80	22,1	40,37	25,9	0,72	0,00
	Chung	158	2,49	8,29	22,83	41,08	24,48	0,83	0,00
Khối 8	Nam	79	4,45	16,19	30,11	37,01	12,24	0,00	0,00
	Nữ	88	3,59	19,49	28,09	34,71	14,12	0,00	0,00
	Chung	167	4,02	17,84	29,1	35,86	13,18	0,00	0,00
Khối 9	Nam	84	7,83	23,33	25,57	32,12	11,15	0,00	0,00
	Nữ	75	5,29	28,25	28,53	32,14	5,79	0,00	0,00
	Chung	155	6,56	25,79	27,05	32,13	8,47	0,00	0,00
Tổng số	Nam	321	4,03	13,80	25,97	39,53	14,70	3,96	0,00
	Nữ	317	3,56	15,46	26,16	37,12	16,21	2,01	0,00
	Chung	638	3,79	14,63	26,06	38,33	15,45	2,98	0,00
PP chuẩn			2,33	6,33	16,34	50,00	16,34	6,33	2,33

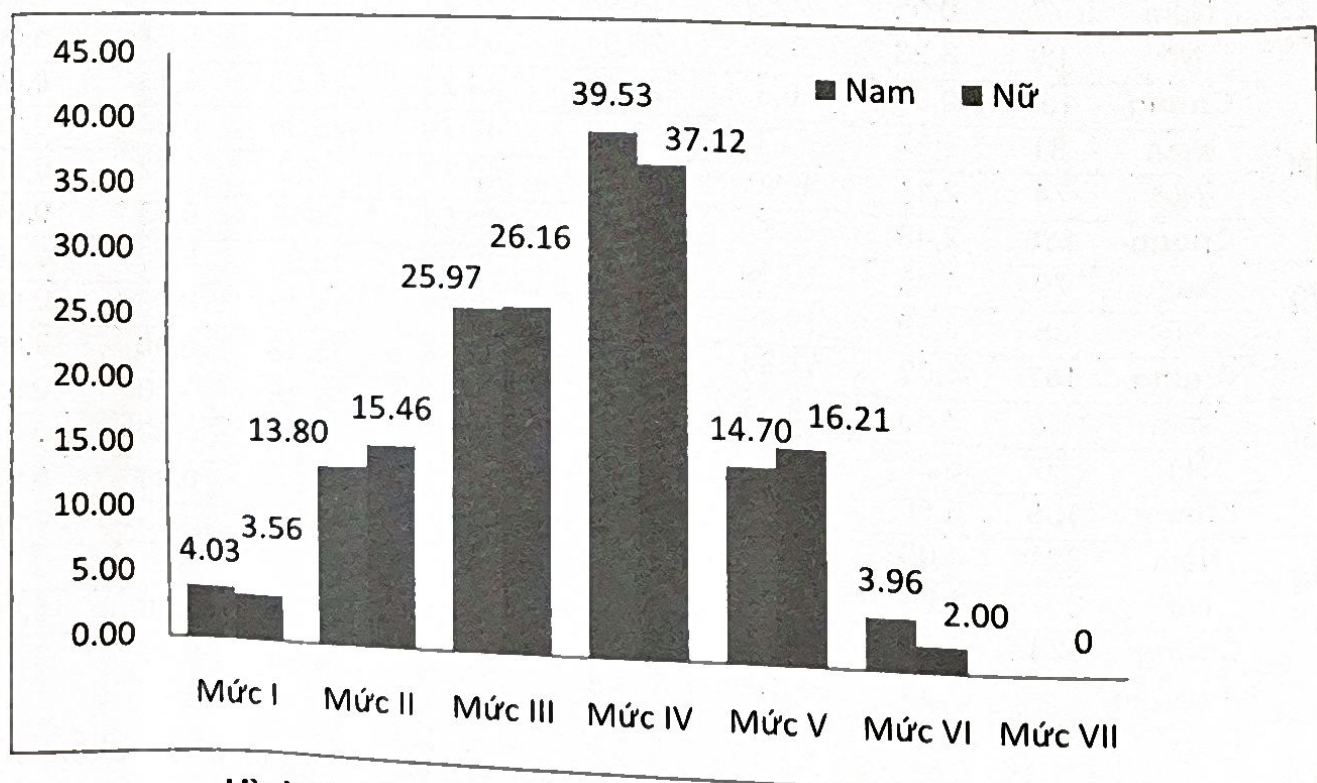
Kết quả nghiên cứu trên bảng 3 cho thấy: sự phân bố học sinh theo mức trí tuệ của học sinh trường THCS Phùng Chí Kiên có dạng gần với dạng phân phối chuẩn, không có học sinh nào ở mức trí tuệ ngu độn. Số học sinh có mức trí tuệ loại IV (loại

trung bình) chiếm tỉ lệ cao nhất toàn trường (38,33%). Mức trí tuệ thứ III (loại thông minh) cao thứ hai (26,06%), tiếp đến là mức trí tuệ loại V (15,45%), mức II (14,63%), mức I (3,79%) và thấp nhất là mức VI (2,98%). Như vậy, ở cả 4 khối đều có học sinh thuộc mức trí tuệ loại I (rất xuất sắc) với độ tăng dần, thấp nhất là học sinh khối 6 là 2,09%, và cao nhất ở khối 9 là 6,56%. Mức trí tuệ xuất sắc (loại II) cũng tương tự, thấp nhất là khối lớp 6 là 6,60% lên khối 9 là 25,79%. Mức trí tuệ trung bình giảm dần, từ khối 6 là 44,23% lên khối 9 là 32,13%. Mức trí tuệ thấp (mức VI) chỉ có ở học sinh khối lớp 6 là 6,13% và học sinh khối 7 là 0,83%. Sự phân bố học sinh theo mức trí tuệ ở các khối lớp không đồng đều do ở lứa tuổi THCS, năng lực trí tuệ các em vẫn đang được tiếp tục phát triển và hoàn thiện.

Ở từng độ tuổi, sự chênh lệch về mức trí tuệ giữa nam và nữ về mặt trí tuệ không đáng kể. Trung bình toàn trường, học sinh nam thuộc mức trí tuệ I, IV, VI cao hơn nữ. Mức trí tuệ thứ II, III, V, tỉ lệ học sinh nữ cao hơn so với của học sinh nam. Tuy nhiên, sự sai khác này không có ý nghĩa về mặt

thống kê ($p > 0,05$) chứng tỏ không có sự khác biệt về năng lực trí tuệ theo giới tính. Kết quả phù hợp với nghiên cứu của các tác giả Trần Thị Loan [3] và Nguyễn Thị Bích Ngọc [4].

Phần lớn học sinh được nghiên cứu đều có mức độ trung bình và trên trung bình. Khi so sánh với phân phối chuẩn, chúng tôi thấy rằng tỉ lệ học sinh thuộc mức trí tuệ trên trung bình cao hơn và tỉ lệ học sinh thuộc mức trí tuệ trung bình, dưới trung bình thấp hơn so với phân phối chuẩn của Wechler. Điều này phản ánh chất lượng giáo dục đi đầu của địa phương do có được đội ngũ giáo viên đã được chuẩn hóa, phương pháp dạy học mới đã được dần thay thế cách dạy học truyền thống nên phát huy được tính chủ động, sáng tạo của học sinh. Ngoài ra, năng lực trí tuệ cũng phụ thuộc phần lớn vào điều kiện môi trường sinh sống. Đa số, học sinh trường Phùng Chí Kiên nhận được sự quan tâm lớn của bố mẹ, và đặc biệt được học tập trong môi trường thuận lợi nên các em có cơ hội tốt để phát triển toàn diện về năng lực trí tuệ.



Hình 3. Phân bố học sinh theo giới tính và mức trí tuệ

4. KẾT LUẬN

Chỉ số IQ trung bình của học sinh trường THCS Phùng Chí Kiên thành phố Nam Định đạt 109,40 điểm. Chỉ số IQ tăng dần từ khối 6 lên khối 9, thấp nhất ở khối 6 là 104,85 điểm, cao nhất ở khối 9 là 112,90 điểm. Không có sự khác biệt về năng lực trí tuệ giữa học sinh nam và học sinh nữ.

Học sinh các lớp TDTT có chỉ số IQ thấp nhất trong nhóm nghiên cứu. Sự phân bố mức trí tuệ của học sinh giống dạng phân bố chuẩn. Phần lớn học sinh ở mức trí tuệ trung bình và trên trung bình. Học sinh có mức trí tuệ trung bình (mức IV) chiếm tỉ lệ cao nhất (38,33%), mức trí tuệ thông minh (mức III) chiếm tỉ lệ cũng khá cao (26,06%), không có học sinh ở mức ngu độn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Gardner H., 1998, *Cơ cấu trí khôn – Lý thuyết về nhiều dạng trí khôn*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Khánh, *Nguồn lực trí tuệ Việt Nam: lịch sử, hiện trạng và triển vọng*, Nxb Chính trị Quốc gia
3. Trần Thị Loan (2002), *Nghiên cứu một số chỉ số thể lực và trí tuệ của học*

sinh từ 6-17 tuổi tại quận Cầu Giấy, Hà Nội. Luận án tiến sĩ Sinh học, trường Đại học Sư Phạm Hà Nội.

4. Nguyễn Thị Bích Ngọc (2008), *“Nghiên cứu một số chỉ số sinh học, trí tuệ và học lực bằng Test Raven và câu hỏi test của học sinh miền núi từ 11-17 tuổi Vĩnh Phúc và Phú Thọ”*. Báo cáo khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

5. Nguyễn Thị Bích Ngọc, Tạ Thúy Lan (2012), *Nghiên cứu năng lực trí tuệ của học sinh dân tộc Kinh và Sán Diu từ 11 đến 17 tuổi tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ*. Báo cáo khoa học và nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam, NXB Nông Nghiệp, tr 191 – 196.

6. Lê Gia Long (2013), *Nghiên cứu năng lực trí tuệ và một số chỉ số hoạt động thần kinh của học sinh trường THCS Sơn Đông và trường THPT Trần Nguyên Hãn, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc*. Luận văn thạc sĩ Sinh học, trường Đại học Sư Phạm Hà Nội.

7. Raven J. C, 1960, *Guide to the Standard progressive Matrices Set A, B, C, D, and E*, London Press.

SUMMARY

INTELLECTUAL CAPACITY OF SCHOOL STUDENTS FROM SECONDARY SCHOOL OF PHUNG CHI KIEN, NAM DINH PROVINCE

Nguyen Thi Bich Ngoc¹

¹Ha Noi National University of Education

Background: Intellectual capacity of secondary school students depends on the environment and the current intelligent level of the student. **Objectives:** Confirm the intellectual capacity of students from secondary school of Phung Chi Kien, Nam Dinh. **Subjects and methods:** This study was designed as cross-sectional on 634 students from the grade of 6 to 9 of Phung Chi Kien Secondary-school in Nam Dinh province. **Results:** Only some intellectual (IQ) increase it according to from 6 to 9 grade. There was no difference in the development of intellectual capacity between two sexes in the each grade. At each grade level, IQ student's sport class is lower than that of students in other classes. Distribution of pupils according to intellectual capacity in simple term and there was not pupils have the wisdom of stupid. Percentage of pupils with intellectual ascending higher than the pupils with low intellectual capacity.

Keywords: intellectual capacity, Student of the Secondary school.